

STT	Tên ngành/ nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành đào tạo Đại học	Khối ngành đào tạo Đại học	Học phí 1 học kỳ (tạm tính)	Học phí 1 năm học (tạm tính)
1	Kinh doanh quản lý				
1.1	Quản trị kinh doanh	7340101	III	7.950.000	15.900.000
1.2	Bất động sản	7340116	III	7.950.000	15.900.000
2	Khoa học tự nhiên				
2.1	Địa chất học	7440201	IV	8.550.000	17.100.000
2.2	Khí tượng và khí hậu học	7440222	IV	8.550.000	17.100.000
2.3	Thủy văn học	7440224	IV	8.550.000	17.100.000
2.4	Biến đổi khí hậu và phát triển bền vững	7440298	IV	8.550.000	17.100.000
3	Máy tính và công nghệ thông tin				
3.1	Hệ thống thông tin	7480104	V	9.250.000	18.500.000
3.2	Công nghệ thông tin	7480201	V	9.250.000	18.500.000
4	Công nghệ kỹ thuật				
4.1	Công nghệ kỹ thuật hóa học	7510401	V	9.250.000	18.500.000
4.2	Công nghệ vật liệu	7510402	V	9.250.000	18.500.000
4.3	Công nghệ kỹ thuật môi trường	7510406	V	9.250.000	18.500.000
4.4	Logistics và quản lý chuỗi cung ứng	7510601	V	9.250.000	18.500.000
5	Kỹ thuật				
5.1	Kỹ thuật Trắc địa – Bản đồ	7520503	V	9.250.000	18.500.000
6	Kiến trúc và xây dựng				
6.1	Quản lý đô thị và công trình	7580106	V	9.250.000	18.500.000
6.2	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	V	9.250.000	18.500.000
7	Môi trường và bảo vệ môi trường				
7.1	Quản lý tài nguyên và môi trường	7850101	VII	8.450.000	16.900.000
7.2	Kinh tế tài nguyên thiên nhiên	7850102	VII	8.450.000	16.900.000
7.3	Quản lý đất đai	7850103	VII	8.450.000	16.900.000
7.4	Quản lý tổng hợp tài nguyên nước	7850195	VII	8.450.000	16.900.000
7.5	Quản lý tài nguyên và môi trường biển đảo	7850197	VII	8.450.000	16.900.000